

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---------|
| Thông tin chung về Quỹ | 1 |
| Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính | 2 |
| Phê chuẩn báo cáo tài chính của Ban Đại diện Quỹ | 3 |
| Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ | 4 - 10 |
| Báo cáo của Ngân hàng Giám sát | 11 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 12 - 13 |
| Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT) | 14 |
| Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT) | 15 |
| Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT) | 16 |
| Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT) | 17 |
| Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT) | 18 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT) | 19 - 42 |

P. 2
CƠ
CƠ
QUẢN
THI
13-7

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng

Số 108/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 20 tháng 4 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng

Số 28/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30 tháng 6 năm 2022 và có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký.

Ban Đại diện Quỹ

| | |
|--------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Văn Ngọc | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Hữu Duy | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền | Thành viên |
| Ông Cao Phạm Hoàng Long | Thành viên |
| Bà Lại Hải Hồng | Thành viên |

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Trụ sở đăng ký

Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi giả định Quỹ hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

C. 7
TY
AN
QU
VIỆT
SCH

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, Ban Đại diện Quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("Quỹ") phê chuẩn báo cáo tài chính của Quỹ đính kèm từ trang 14 đến trang 42. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ đóng.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Nguyễn Văn Ngọc
Chủ tịch
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (“QUỸ”)

1.1 Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 28/GCN-UBCK ngày 30 tháng 6 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định trên Giấy chứng nhận, Quỹ được phép phát hành 20.060.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm.

Chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FUCTVGF4 theo Quyết định 659/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch từ ngày 26 tháng 9 năm 2022.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”): hàng tuần.

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam và đăng ký giao dịch trên UPCoM, doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính phủ.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, NAV của Quỹ tăng 26,77% so với NAV của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong khi giá trị danh mục đầu tư của Quỹ tăng 25,65%.

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ

Đầu tư vào những doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững: Những doanh nghiệp mà Quỹ đầu tư phải tập trung khoảng 60% nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính, hoạt động ổn định với thị phần cao và sản phẩm có sức cạnh tranh lớn.

Đầu tư vào những doanh nghiệp có cơ hội tăng trưởng cao: Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp còn năng lực sản xuất và có khả năng mở rộng thị phần, thị trường rộng lớn, luôn tìm kiếm cơ hội để phát triển thêm những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

Tìm kiếm những công ty có lợi thế cạnh tranh dài hạn: Lợi thế cạnh tranh là yếu tố quyết định khả năng công ty tồn tại trong môi trường chung khó khăn và phát triển mạnh khi nền kinh tế phục hồi. Doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động với chi phí thấp, có sản phẩm mang thương hiệu mạnh luôn là doanh nghiệp chiếm ưu thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (tiếp theo)

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

Tập trung vào công ty với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và minh bạch: Kinh nghiệm và tố chất của ban lãnh đạo là yếu tố quan trọng hàng đầu khi lựa chọn đầu tư vào doanh nghiệp niêm yết. Kinh nghiệm dày dặn trong thương trường, rõ ràng trong tổ chức kinh doanh và công bố thông tin rõ ràng đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng lợi nhuận và thu hút đầu tư.

Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên các sở giao dịch Chứng khoán của Việt Nam;
- e) Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- f) Các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và điểm b ở trên tại các ngân hàng thương mại đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Hạn chế đầu tư của Quỹ

1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b mục 1.3 Báo cáo này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f mục 1.3 Báo cáo này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau, nhóm công ty con có cùng công ty mẹ.
 - d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm e mục 1.3 Báo cáo này;
 - e) Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a mục 1.3 Báo cáo này; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
 - f) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (tiếp theo)

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

2. Công ty Quản lý Quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f khoản 1 Mục này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười phần trăm (10%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Mục này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ, mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ điều chỉnh có hiệu lực;
 - e) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.
4. Trong thời hạn ba (3) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 3 Mục này, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Mục này.
5. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch Chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch Chứng khoán;
 - b) Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, Công ty Quản lý Quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (tiếp theo)

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng đóng theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 28/GCN-UBCK ngày 30 tháng 6 năm 2022 do UBCKNN cấp. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm.

1.6 Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo

Quỹ được phép phát hành 20.060.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/chứng chỉ quỹ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Lợi tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho nhà đầu tư một mức lợi tức nhất định mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua mức lợi tức hàng năm.

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

| | Tại ngày | |
|-----------------------------|---------------|---------------|
| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
| | % | % |
| 1. Danh mục chứng khoán | 84,62 | 91,56 |
| 2. Tiền và tương đương tiền | 9,42 | 7,84 |
| 3. Tài sản khác | 5,96 | 0,60 |
| Tổng cộng | <u>100,00</u> | <u>100,00</u> |

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

| | Tại ngày 31/12/2023/ Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 | Tại ngày 31/12/2022/ Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 |
|---|--|---|
| 1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 238.765.882.067 | 188.349.498.307 |
| 2. Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành (số lượng) | 20.060.000 | 20.060.000 |
| 3. NAV của 1 đơn vị CCQ (VND) | 11.903 | 9.389 |
| 4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 13.080 | 10.394 |
| 5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 9.684 | 8.153 |
| 6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | 14.000 | 14.850 |
| 7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 14.850 | 21.600 |
| 8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 12.300 | 6.030 |
| 9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%) | 26,77 | (6,11) |
| 9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 11,57 | (9,09) |
| 9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (tính trên thu nhập đã thực hiện) | 15,19 | 2,98 |
| 10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) | - | - |
| 11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) | - | - |
| 12. Ngày chốt quyền | Không có | Không có |
| 13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%) | 3,17 | 0,84 |
| 14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 150 | 89 |

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%) | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) |
|--|-------------------------------------|--|
| 1 năm | 26,77 | 26,77 |
| Từ khi thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 19,03 | 12,25 |

2.4 Tăng trưởng hàng năm

| Thời kỳ | Tại ngày | |
|------------------------------------|------------|------------|
| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 26,77 | (6,11) |

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua nhiều biến động và chịu áp lực từ diễn biến phức tạp của kinh tế trong nước và thế giới trong năm 2023. Kết thúc năm, chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với thời điểm cuối năm 2022; trong khi đó chỉ số HNX-Index đạt 231,04 điểm, tăng 12,5% so với thời điểm cuối năm 2022. Vốn hóa toàn thị trường đạt hơn 4.500 nghìn tỷ đồng, tăng gần 13,5% so với cuối năm 2022. Tại thời điểm 29/12/2023, VNIndex đang giao dịch ở mức P/E là 15,03 lần và P/B là 1,65 lần.

Thị trường chứng khoán đầu năm 2023 giao dịch khá trầm lắng với nhiều phiên có thanh khoản sụt giảm mạnh trong quý I. Bước sang quý II, thị trường bắt đầu sôi động hơn với các nhịp hồi tốt trong giai đoạn tháng 4 - tháng 8, nhờ những chính sách hỗ trợ của Chính phủ về nới lỏng tiền tệ, và các giải pháp tháo gỡ thị trường bất động sản và trái phiếu... Cả năm 2023, giá trị giao dịch bình quân trên HSX và HNX đạt 16.890 tỷ đồng một ngày, giảm 11,5% so với năm 2022.

Về giao dịch của khối ngoại, lũy kế cả năm 2023, khối này đã bán ròng gần 22.600 tỷ đồng. Xét riêng trên từng sàn, khối ngoại bán ròng hơn 24.830 tỷ đồng trên sàn HoSE, trong khi đó mua ròng trên HNX với giá trị 2.800 tỷ đồng.

4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
|--|---------------------------------------|--|
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 15,19 | 17,25 |
| Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ | 11,57 | 1,78 |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 26,77 | 19,03 |
| Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ | 26,77 | 12,25 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Chưa phát sinh | Chưa phát sinh |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | (5,72) | 40,00 |

Thay đổi NAV:

| Chỉ tiêu | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND | Tỷ lệ thay đổi % |
|-----------------------|---|---|------------------------|
| NAV của Quỹ | 238.765.882.067 | 188.349.498.307 | 26,77 |
| NAV trên 1 đơn vị CCQ | 11.903 | 9.389 | 26,77 |

4.2 Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

| Quy mô nắm giữ (đơn vị) | Số lượng nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ % |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Dưới 5.000 | 111 | 23.600 | 0,12 |
| Từ 5.000 – dưới 10.000 | 1 | 5.000 | 0,02 |
| Từ 10.000 – dưới 50.000 | 5 | 175.000 | 0,87 |
| Từ 50.000 – 500.000 | 7 | 1.400.000 | 6,98 |
| Trên 500.000 | 7 | 18.456.400 | 92,01 |
| Tổng cộng | 131 | 20.060.000 | 100,00 |

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Hiện tại, kinh tế Việt Nam đang tiếp tục đối diện với những khó khăn tiếp diễn từ năm 2022 khi (1) Fed vẫn duy trì mức lãi suất cao trên 5% để đối phó lạm phát gây nên rủi ro suy thoái kinh tế trong tương lai gần; (2) Rủi ro đổ vỡ từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn chưa được xử lý; (3) Thị trường bất động sản suy thoái gây rủi ro nợ xấu và ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề liên quan và (4) Căng thẳng địa chính trị tác động tiêu cực đến đà phục hồi của kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán trong năm 2024 sẽ diễn biến tốt hơn so với năm 2023 nhờ vào:

- Định giá chung toàn thị trường đã xuống mức hấp dẫn trong nhiều năm trở lại đây sau khi đã điều chỉnh giảm gần 33% trong năm 2022 và chỉ phục hồi 12% trong 2023. VN-Index đang giao dịch tại mức 80% P/E và P/B trung bình 5 năm.
- Lợi nhuận của doanh nghiệp từ năm 2024 sẽ phục hồi mạnh mẽ so với mức nền thấp của năm 2022 và 2023 nhờ mặt bằng lãi suất thấp, sản xuất và tiêu dùng phục hồi và xuất khẩu tăng trưởng trở lại khi lạm phát toàn cầu hạ nhiệt.
- Đầu tư công sẽ tiếp tục được đẩy mạnh và trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng GDP trong năm 2024. Tổng vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 lên tới 2.850 nghìn tỷ đồng (tăng 43,5% so với giai đoạn trước).
- Dòng vốn FDI tiếp tục gia tăng nhờ nâng cấp quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản (tổng vốn FDI đăng ký đạt mức 36,6 tỷ USD trong năm 2023, tăng 32% so với thời điểm cuối năm 2022).
- Trung Quốc sẽ ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế và thực hiện những biện pháp mạnh mẽ hơn nhằm vực dậy thị trường bất động sản trong năm 2024.
- Chính sách nới lỏng tiền tệ và môi trường lãi suất thấp thúc đẩy dòng tiền đầu tư vào thị trường chứng khoán nhiều hơn từ năm 2024.
- Triển vọng nâng hạng thị trường chứng khoán khi Việt Nam đã vượt một số thị trường mới nổi khác về vốn hóa và khối lượng giao dịch. Đồng thời Chính phủ quyết tâm đặt mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán trước năm 2025 với việc khắc phục hai vấn đề là yêu cầu ký quỹ trước giao dịch và giới hạn sở hữu nước ngoài.

6 THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ, và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Nguyễn Duy Quang
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi, Ngân hàng Giám sát Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 cho năm tài chính 2023, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì năm tài chính, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ đóng, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.
- b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ đóng, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành chứng chỉ quỹ: trong kỳ quỹ không thực hiện phát hành chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.
- e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- f) Hoạt động khác: Ngày 26/04/2023, Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2022 của Quỹ đã được tổ chức thành công.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Ông Nguyễn Mạnh Cường
Phó Giám đốc

Bà Vũ Minh Hồng

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 (“Quỹ”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 14 đến trang 42.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 (“Công ty Quản lý Quỹ”)**

Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán (“Quyết định 63/2005/QĐ-BTC”), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98/2020/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ đóng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ đóng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán độc lập của họ phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM15142
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Tại ngày | |
|---------------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| A. TÀI SẢN | | | | |
| 110 | 1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền | 5.1 | 23.192.655.099 | 15.377.588.183 |
| 120 | 2. Các khoản đầu tư | 5.2 | 208.457.756.786 | 179.485.451.081 |
| 130 | 4. Phải thu hoạt động đầu tư | 5.3 | 14.669.435.889 | 1.175.547.124 |
| 200 | TỔNG TÀI SẢN | | 246.319.847.774 | 196.038.586.388 |
| B. NGUỒN VỐN | | | | |
| 300 | I. NỢ PHẢI TRẢ | | 7.553.965.707 | 7.689.088.081 |
| 311 | 2. Phải trả hoạt động đầu tư | 5.4 | 4.035.500.000 | 7.608.600.000 |
| 315 | 5. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát | 5.5 | 3.451.307.691 | 11.700.055 |
| 318 | 6. Phải trả khác | 5.6 | 67.158.016 | 68.788.026 |
| 400 | II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 238.765.882.067 | 188.349.498.307 |
| 410 | 1. Vốn góp của các nhà đầu tư | 5.7 | 200.600.000.000 | 200.600.000.000 |
| 420 | 2. Kết quả hoạt động chưa phân phối | 5.8 | 38.165.882.067 | (12.250.501.693) |
| 430 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 246.319.847.774 | 196.038.586.388 |

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Tại ngày | |
|---------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Chứng khoán theo mệnh giá | | 151.200.000.000 | 126.300.000.000 |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Signature

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
|-----------|--|-------------|--|---|
| A. | XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN | | | |
| 10 | I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện | | 35.687.704.077 | 7.589.066.125 |
| 11 | 1. Cổ tức được nhận | 6.1 | 2.430.000.000 | 450.000.000 |
| 12 | 2. Lãi trái phiếu được nhận | 6.2 | 3.514.963.045 | 2.286.070.041 |
| 13 | 3. Lãi tiền gửi | | 393.971.465 | 335.001.344 |
| 14 | 4. Thu nhập bán chứng khoán | 6.3 | 29.348.769.567 | 4.517.994.740 |
| 30 | II. Chi phí | | (7.069.142.460) | (1.606.056.270) |
| 31 | 1. Phí quản lý Quỹ | 7(a) | (5.617.056.223) | (969.659.618) |
| 32 | 2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ | 7(a) | (315.964.862) | (139.853.671) |
| 34 | 4. Chi phí kiểm toán | | (80.000.000) | (55.000.000) |
| 38 | 6. Phí và chi phí khác | 6.4 | (1.056.121.375) | (441.542.981) |
| 50 | III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong năm/kỳ | | 28.618.561.617 | 5.983.009.855 |
| B. | XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN | | | |
| 60 | I. Thu nhập | | 7.065.500.560 | 1.182.402.059 |
| 61 | 1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán | 5.2 | 7.065.500.560 | 1.182.402.059 |
| 70 | II. Chi phí | | 14.732.321.583 | (19.415.913.607) |
| 71 | 1. Hoàn nhập chênh lệch lỗ/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán | 5.2 | 14.732.321.583 | (19.415.913.607) |
| 80 | III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối năm/kỳ | | 21.797.822.143 | (18.233.511.548) |
| 90 | Lợi nhuận trong năm/kỳ | | 50.416.383.760 | (12.250.501.693) |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Duy Quang
 Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Signature

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Phạm Uyên Vy
 Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Thị Anh Tú
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÀI SẢN

| STT | Chi tiêu | Tại ngày | |
|-------|---|------------------------|------------------------|
| | | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| 1 | Tiền | 23.192.655.099 | 15.377.588.183 |
| 2 | Các khoản đầu tư | 208.457.756.786 | 179.485.451.081 |
| 2.1 | Trái phiếu | 28.780.756.786 | 48.190.873.000 |
| 2.1.1 | Trái phiếu niêm yết | 9.555.936.000 | 48.190.873.000 |
| 2.1.2 | Trái phiếu chưa niêm yết | 19.224.820.786 | - |
| 2.2 | Cổ phiếu | 179.677.000.000 | 122.149.000.000 |
| 2.2.1 | Cổ phiếu niêm yết | 179.677.000.000 | 103.845.000.000 |
| 2.2.2 | Cổ phiếu chưa niêm yết | - | 18.304.000.000 |
| 2.3 | Đầu tư khác | - | 9.145.578.081 |
| 3 | Cổ tức được nhận | 200.000.000 | - |
| 4 | Lãi được nhận | 2.284.935.889 | 1.175.547.124 |
| 5 | Tiền bán chứng khoán phải thu | 12.184.500.000 | - |
| | Tổng tài sản | 246.319.847.774 | 196.038.586.388 |
| 6 | Tiền phải thanh toán mua chứng khoán | 4.035.500.000 | 7.608.600.000 |
| 7 | Phải trả khác | 3.518.465.707 | 80.488.081 |
| | Tổng nợ | 7.553.965.707 | 7.689.088.081 |
| | Tài sản ròng của Quỹ | 238.765.882.067 | 188.349.498.307 |
| 8 | Tổng số chứng chỉ quỹ | 20.060.000 | 20.060.000 |
| 9 | Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ | 11.903 | 9.389 |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Duy Quang
 Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Phạm Uyên Vy

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Phạm Uyên Vy
 Người lập

Nguyễn Thị Anh Tú

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Thị Anh Tú
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

| STT | Chi tiêu | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
|-----|---|---|--|
| I | Giá trị tài sản ròng đầu năm/kỳ | 188.349.498.307 | 200.600.000.000 |
| II | Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm/kỳ | 50.416.383.760 | (12.250.501.693) |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| 1 | Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm/kỳ | 50.416.383.760 | (12.250.501.693) |
| III | Giá trị tài sản ròng cuối năm/kỳ | <u>238.765.882.067</u> | <u>188.349.498.307</u> |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

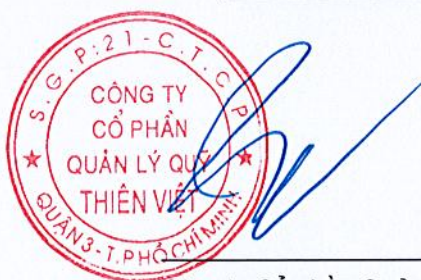
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

| STT | Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2023 VND | Tổng giá trị VND | Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ % |
|------------|------------------------------|-----------|---|------------------------|---|
| I | Cổ phiếu niêm yết | | | 179.677.000.000 | 72,94 |
| 1 | DXS | 5.660.000 | 7.500 | 42.450.000.000 | 17,23 |
| 2 | POW | 2.900.000 | 11.250 | 32.625.000.000 | 13,25 |
| 3 | VPB | 1.310.000 | 19.200 | 25.152.000.000 | 10,21 |
| 4 | PVP | 750.000 | 13.950 | 10.462.500.000 | 4,25 |
| 5 | TCB | 680.000 | 31.800 | 21.624.000.000 | 8,78 |
| 6 | VNM | 410.000 | 67.600 | 27.716.000.000 | 11,25 |
| 7 | HCM | 400.000 | 34.200 | 13.680.000.000 | 5,55 |
| 8 | NVL | 350.000 | 17.050 | 5.967.500.000 | 2,42 |
| II | Trái phiếu | | | 28.780.756.786 | 11,68 |
| 1 | LPB122010 | 96.000 | 99.541 | 9.555.936.000 | 3,88 |
| 2 | VBB12207 | 1.700 | 11.308.718 | 19.224.820.786 | 7,80 |
| III | Tài sản khác | | | 14.669.435.889 | 5,96 |
| 1 | Phải thu cổ tức | | | 200.000.000 | 0,08 |
| 2 | Phải thu lãi trái phiếu | | | 2.284.470.136 | 0,93 |
| 3 | Phải thu lãi tiền gửi | | | 465.753 | 0,00 |
| 4 | Phải thu bán chứng khoán | | | 12.184.500.000 | 4,95 |
| IV | Tiền gửi ngân hàng | | | 23.192.655.099 | 9,42 |
| 1 | Tiền gửi ngân hàng | | | 18.192.655.099 | 7,39 |
| 2 | Tiền gửi có kỳ hạn | | | 5.000.000.000 | 2,03 |
| V | Tổng giá trị danh mục | | | 246.319.847.774 | 100,00 |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Phạm Uyên Vy

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Nguyễn Thị Anh Tú

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này,

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 28/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 30 tháng 6 năm 2022. Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập này, Quỹ được phép phát hành 20.060.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm.

Chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 được niêm yết tại sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FUCTVGF4 theo Quyết định 659/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch từ ngày 26 tháng 9 năm 2022.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ("Ngân hàng Giám sát") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"): hàng tuần.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam và đăng ký giao dịch trên UPCoM, doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính phủ.

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên các sở giao dịch Chứng khoán của Việt Nam;
- e) Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- f) Các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b như trên được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f như trên mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau, nhóm công ty con có cùng công ty mẹ.
- d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm e như trên;
- e) Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a như trên; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
- f) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 (ngày thành lập Quỹ) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán ("Quyết định 63/2005/QĐ-BTC"), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ đóng.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả hoạt động và thay đổi giá trị tài sản ròng theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

3.2 Thông tin so sánh

Năm tài chính áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày của dữ liệu tương ứng là từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 12 năm 2022. Theo đó, giai đoạn lập báo cáo kết quả kinh doanh kỳ so sánh là không tương đương với giai đoạn lập báo cáo kết quả kinh doanh kỳ hiện tại do Quỹ chỉ bắt đầu hoạt động từ ngày 30 tháng 6 năm 2022.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quý phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch. Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Quý có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quý đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Đầu tư chứng khoán". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu hoạt động đầu tư" trên bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Đầu tư chứng khoán" trên bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp lý/giá trị đánh giá lại. Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi dự thu lũy kế của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu hoạt động đầu tư" trên bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại

Phương pháp đánh giá lại khoản đầu tư được áp dụng theo Sổ tay Định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Cụ thể như sau:

(a) *Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán; cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM*

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM được đánh giá theo giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương pháp khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, và trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(b) *Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- (i) Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan.
- (ii) Trường hợp giá nêu tại điểm (i) nêu trên không xác định được, các cổ phiếu này được định giá là một trong các mức giá sau:
 - Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
 - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(c) *Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(d) *Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

(e) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

- (i) Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).
- (ii) Các trái phiếu không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức sau:
 - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(f) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được định giá bằng giá mua cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

(g) Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng

Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng được định giá bằng giá mua cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

(h) Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

Thu nhập hoặc chi phí do đánh giá lại khoản đầu tư

Các khoản thu nhập hoặc chi phí chưa thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa giá trị tăng hoặc giá trị giảm do đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư của Quỹ, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC.

4.2 Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng.

4.3 Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên bảng cân đối kế toán cho số lượng chứng chỉ quỹ đã phát hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ và các khoản đầu tư ngắn hạn dưới ba (3) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

4.6 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.7 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"). Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư:

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78/2014/TT-BTC") và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111/2013/TT-BTC") cùng các thông tư sửa đổi, bổ sung sau này và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài Chính về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư trong nước, tổ chức đầu tư trong nước chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế phát sinh (nếu có) từ khoản cổ tức đó. Khi Quỹ trả cổ tức cho tổ chức đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần khấu trừ thuế TNDN cổ tức được phân phối (ngoại trừ phần cổ tức được phân phối đã chịu thuế TNDN ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành).

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân (cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn bằng 5% cổ tức được phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi:

- Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra;
- Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế, và
- Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.9 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu và thu nhập:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Tổng Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.10 Các khoản chi phí

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng. Quỹ phát sinh một số chi phí như sau: Phí quản lý quỹ, phí giám sát, phí lưu ký xử lý hồ sơ, phí giao dịch chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.12 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Quỹ tham gia vào hoạt động đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động) hoặc đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý).

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Quỹ chỉ bao gồm một lĩnh vực kinh doanh là đầu tư chứng khoán theo mục tiêu và chính sách đầu tư được đề cập trong Điều lệ Quỹ.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Quỹ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Các công ty được đầu tư trong danh mục của Quỹ cũng được thành lập và hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Quỹ không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về thị trường hay khu vực địa lý. Theo đó, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ nhận định là Quỹ chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

4.13 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

4.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

| | Tại ngày | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i) | 18.192.655.099 | 15.377.588.183 |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (ii) | 5.000.000.000 | - |
| | <u>23.192.655.099</u> | <u>15.377.588.183</u> |

- (i) Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Giám sát.
- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Giám sát và hưởng lãi suất 2,30%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quý không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.1, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

| | Giá mua VND | Chênh lệch đánh giá lại | | Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND |
|-------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|---|
| | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | |
| Cổ phiếu niêm yết | 176.068.625.405 | 8.247.902.619 | (4.639.528.024) | 179.677.000.000 |
| Trái phiếu (i) | 28.824.820.786 | - | (44.064.000) | 28.780.756.786 |
| | 204.893.446.191 | 8.247.902.619 | (4.683.592.024) | 208.457.756.786 |

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

| | Giá mua VND | Chênh lệch đánh giá lại | | Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND |
|--|------------------------|-------------------------|-------------------------|---|
| | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | |
| Cổ phiếu niêm yết | 121.307.384.607 | - | (17.462.384.607) | 103.845.000.000 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết (*) | 17.121.597.941 | 1.182.402.059 | - | 18.304.000.000 |
| Trái phiếu (ii) | 50.144.402.000 | - | (1.953.529.000) | 48.190.873.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn (iii) | 9.145.578.081 | - | - | 9.145.578.081 |
| | 197.718.962.629 | 1.182.402.059 | (19.415.913.607) | 179.485.451.081 |
| Chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư | | 7.065.500.560 | 14.732.321.583 | |

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

MẪU SỐ B 04 - QĐT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

| | Số lượng | Giá mua | Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 | Hình thức | | Lãi suất %/năm | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn |
|---|----------|-----------------------|--|-----------|---|-------------------|-------------------|-----------------|
| | | | | VND | VND | | | |
| Trái phiếu niêm yết | | | | | | | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt – LPB122010 | 96.000 | 9.600.000.000 | 9.555.936.000 | Thả nổi | Lãi suất tham chiếu + 1,90% | | 28/02/2022 | 28/02/2029 |
| Trái phiếu chưa niêm yết | | | | | | | | |
| Ngân hàng Thương mại Việt Nam Thương Tín – VBB12207 | 1.700 | 19.224.820.786 | 19.224.820.786 | Thả nổi | Năm (5) năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,70% Hai (2) năm cuối: Lãi suất tham chiếu + 3,50% | | 09/02/2022 | 09/02/2029 |
| | | 28.824.820.786 | 28.780.756.786 | | | | | |

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

MẪU SỐ B 04 - QĐT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

| | Số lượng | Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại | | Hình thức | Lãi suất %/năm | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn |
|---|----------|---|-----------------------|---------------------|--|-------------------|-----------------|
| | | VND | VND | | | | |
| Trái phiếu niêm yết | | | | | | | |
| Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – KBC121020 | 213.000 | 21.388.182.000 | 21.274.653.000 | Cố định | 10,80% | 24/6/2021 | 24/6/2023 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt – LPB122010 | 180.000 | 18.527.220.000 | 16.916.220.000 | Thả nổi | Lãi suất tham chiếu + 1,90% Năm đầu tiên: 9,50% | 28/02/2022 | 28/02/2029 |
| Công ty Cổ phần Điện Gia Lai – GEG121022 | 100.000 | 10.229.000.000 | 10.000.000.000 | Cố định/ Thả nổi | Lãi suất tham chiếu + 3,28% | 11/10/2021 | 11/10/2024 |
| | | 50.144.402.000 | 48.190.873.000 | | | | |

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn 15 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín và có lãi suất 7,20%/năm.

(*) Ngày 17 tháng 1 năm 2023, cổ phiếu PVP của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương đã chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.3 Phải thu hoạt động đầu tư

| | Tại ngày | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Phải thu bán chứng khoán | 12.184.500.000 | - |
| Phải thu lãi trái phiếu doanh nghiệp | 2.284.470.136 | 893.267.671 |
| Phải thu cổ tức | 200.000.000 | - |
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 465.753 | 282.279.453 |
| | <u>14.669.435.889</u> | <u>1.175.547.124</u> |

5.4 Phải trả hoạt động đầu tư

Phải trả hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các chứng khoán niêm yết. Các khoản này được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

5.5 Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

| | Tại ngày | |
|--|----------------------|-------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Phải trả thưởng hoạt động (Thuyết minh 7(b)) | 3.434.331.680 | - |
| Phí lưu ký cố định (Thuyết minh 7(b)) | 10.091.676 | 7.847.896 |
| Phí lưu ký xử lý hồ sơ (Thuyết minh 7(b)) | 4.866.000 | 2.282.580 |
| Phí giám sát (Thuyết minh 7(b)) | 2.018.335 | 1.569.579 |
| | <u>3.451.307.691</u> | <u>11.700.055</u> |

5.6 Phải trả khác

| | Tại ngày | |
|---|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Phí kiểm toán | 40.000.000 | 55.000.000 |
| Phí giao dịch | 23.212.750 | 11.412.900 |
| Phí dịch vụ lưu ký trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) | 3.945.266 | 2.375.126 |
| | <u>67.158.016</u> | <u>68.788.026</u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.7 Vốn góp của các nhà đầu tư

| | Tại ngày | |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Vốn góp đầu và cuối năm/kỳ | 200.600.000.000 | 200.600.000.000 |

Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng. Tất cả chứng chỉ quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác ngang nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

5.8 Kết quả hoạt động chưa phân phối

| | Tại ngày | |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Số dư đầu năm/kỳ | (12.250.501.693) | - |
| Lãi/(lỗ) trong năm/kỳ | 50.416.383.760 | (12.250.501.693) |
| Số dư cuối năm/kỳ | 38.165.882.067 | (12.250.501.693) |

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

6.1 Cổ tức được nhận

| | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
|----------------|---|--|
| Cổ tức đã nhận | 2.230.000.000 | 450.000.000 |
| Dự thu cổ tức | 200.000.000 | - |
| | <u>2.430.000.000</u> | <u>450.000.000</u> |

6.2 Lãi trái phiếu được nhận

| | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
|------------------|---|--|
| Tiền lãi đã nhận | 1.984.107.923 | 1.110.522.917 |
| Dự thu tiền lãi | 1.530.855.122 | 1.175.547.124 |
| | <u>3.514.963.045</u> | <u>2.286.070.041</u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

6.3 Thu nhập bán chứng khoán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

| | Tổng giá trị bán VND | Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND | Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND |
|------------------------|-------------------------|--|---|
| Cổ phiếu niêm yết | 283.703.126.000 | 252.321.481.137 | 31.381.644.863 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 13.492.000.000 | 14.124.000.000 | (632.000.000) |
| Trái phiếu | 41.899.124.704 | 43.300.000.000 | (1.400.875.296) |
| | <u>339.094.250.704</u> | <u>309.745.481.137</u> | <u>29.348.769.567</u> |

Cho giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022:

| | Tổng giá trị bán VND | Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND | Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VND |
|------------------------|-------------------------|--|--|
| Cổ phiếu niêm yết | 58.369.935.000 | 54.415.281.393 | 3.954.653.607 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 101.000.000 | 117.582.059 | (16.582.059) |
| Trái phiếu | 20.709.500.000 | 20.585.800.000 | 123.700.000 |
| Hợp đồng tiền gửi | 30.582.223.192 | 30.126.000.000 | 456.223.192 |
| | <u>109.762.658.192</u> | <u>105.244.663.452</u> | <u>4.517.994.740</u> |

6.4 Phí và chi phí khác

| | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
|---|---|--|
| Phí giao dịch bán chứng khoán | 451.870.073 | 110.488.278 |
| Phí giao dịch mua chứng khoán | 449.219.905 | 284.948.853 |
| Thù lao của Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 7(a)(iv)) | 75.000.000 | - |
| Phí dịch vụ lưu ký trả cho VSDC | 36.763.957 | 9.097.350 |
| Phí và chi phí khác | 43.267.440 | 37.008.500 |
| | <u>1.056.121.375</u> | <u>441.542.981</u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính/kỳ kế toán, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, Công ty Quản lý Quỹ

| | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
|------------------|---|--|
| Thường hoạt động | 3.434.331.680 | - |
| Phí quản lý Quỹ | <u>2.182.724.543</u> | <u>969.659.618</u> |

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thường hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của một phần trăm (1%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào thời điểm đầu mỗi tháng. Mức thường hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm tài chính. Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty Quản lý quỹ nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị ròng của Quỹ cao hơn 8% trong năm tài chính.

ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành, Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

| | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
|------------------------------|---|--|
| Thu nhập lãi tiền gửi | 338.935.850 | 52.721.891 |
| Phí lưu ký, giám sát Quỹ | 315.964.862 | 139.853.671 |
| - Phí lưu ký xử lý hồ sơ (*) | 182.299.793 | 82.287.817 |
| - Phí lưu ký cố định (**) | 111.387.558 | 47.971.546 |
| - Phí giám sát (**) | <u>22.277.511</u> | <u>9.594.308</u> |

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành làm Ngân hàng Giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát khoản phí giám sát, phí lưu ký cố định và phí lưu ký xử lý hồ sơ.

(*) Phí này được tính dựa trên giá trị giao dịch và thu tại ngày thanh toán giao dịch phát sinh. Tỷ lệ phí giao dịch được xác định như sau:

| | Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch | Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch |
|-----------|--|---|
| Tỷ lệ phí | 0,03% giá trị giao dịch Tối đa 10 triệu Đồng/ ngày giao dịch | 0,0075% giá trị giao dịch Tối đa 5 triệu Đồng/ ngày giao dịch |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành, Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (tiếp theo)

(**) Các phí này được tính hàng tháng dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá.

Tỷ lệ phí giám sát và phí lưu ký trong năm tài chính lần lượt như sau:

| | Phí giám sát Quỹ | Phí lưu ký cố định |
|--|---|--|
| Tỷ lệ phí | 0,01% NAV/năm | 0,05% NAV/năm |
| iii) Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
| Phí giao dịch mua bán chứng khoán | <u>97.527.530</u> | <u>87.070.777</u> |
| iv) Ban Đại diện Quỹ | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND | Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 VND |
| Thù lao của Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 6.4) | <u>75.000.000</u> | <u>-</u> |

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan tại ngày báo cáo như sau :

| | Tại ngày | |
|---|---|---|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành | | |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 5.1) | 18.192.655.099 | 15.377.588.183 |
| Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 5.1) | 5.000.000.000 | - |
| Phí lưu ký cố định phải trả (Thuyết minh 5.5) | 10.091.676 | 7.847.896 |
| Phí lưu ký xử lý hồ sơ phải trả (Thuyết minh 5.5) | 4.866.000 | 2.282.580 |
| Phí giám sát phải trả (Thuyết minh 5.5) | 2.018.335 | 1.569.579 |
| | <u> </u> | <u> </u> |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt | | |
| Phải trả thường hoạt động (Thuyết minh 5.5) | 3.434.331.680 | - |
| | <u> </u> | <u> </u> |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt | | |
| Vốn góp | 25.564.000.000 | 25.564.000.000 |
| Phí giao dịch phải trả | 1.014.000 | 6.499.590 |
| | <u> </u> | <u> </u> |
| Thành viên Ban Đại diện Quỹ | | |
| Góp vốn | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| | <u> </u> | <u> </u> |

8 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

(a) Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

| | Tại ngày 31/12/2023/ Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 % | Tại ngày 31/12/2022/ Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 % |
|--|---|--|
| 1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản | 84,63 | 86,89 |
| 2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản | 72,94 | 62,31 |
| 3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản | 72,94 | 52,97 |
| 4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng giá trị tài sản | - | 9,34 |
| 5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản | 11,68 | 24,58 |
| 6. Tỷ lệ các loại đầu tư khác/Tổng giá trị tài sản | - | - |
| 7. Tỷ lệ tiền/Tổng giá trị tài sản | 9,42 | 7,84 |
| 8. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng giá trị tài sản | 19,33 | 8,95 |
| 9. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng giá trị tài sản | (3,46) | 21,45 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

(b) Các chỉ số thị trường

| | Tại ngày 31/12/2023/ Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 | Tại ngày 31/12/2022/ Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 31/12/2022 |
|---|--|---|
| 1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 20.060.000 | 20.060.000 |
| 2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM") và bên liên quan (%) | 20,22 | 20,22 |
| 3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất (%) | 95,99 | 95,99 |
| 4. Tỷ lệ giao dịch chứng chỉ quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm/kỳ (%) | 0,01 | 0,55 |
| 5. Giá trị đơn vị quỹ (VND) | 11.903 | 9.389 |
| 6. Số lượng chứng chỉ quỹ TVAM đang sở hữu | - | - |

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính bao gồm: rủi ro tín dụng; rủi ro thanh khoản; và rủi ro thị trường.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn được gửi tại các Ngân hàng thương mại mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quý nắm giữ trái phiếu của tổ chức tín dụng có mức độ tín nhiệm cao nên rủi ro tín dụng được đánh giá là thấp.

Chứng khoán đầu tư của Quý chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được quy định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ trái phiếu và phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu này được đánh giá thấp do các khoản phải thu chiếm tỷ trọng nhỏ trong danh mục (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5,96% và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0,60%).

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, tất cả các khoản nợ phải trả của Quý có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quý không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quý như trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ do Quý nắm giữ trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ.

Quý quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn rủi ro của Quý.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 2.084.577.568 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.703.398.730 Đồng).

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính của Quý bao gồm:

- Tiền
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;
- Quyền theo hợp đồng để:
 - Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc
 - Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Quý;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đóng.

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND | 31/12/2023 VND | 31/12/2022 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản đầu tư | | | | |
| - Trái phiếu | 28.780.756.786 | 48.190.873.000 | 28.780.756.786 | 48.190.873.000 |
| - Cổ phiếu niêm yết | 179.677.000.000 | 103.845.000.000 | 179.677.000.000 | 103.845.000.000 |
| - Cổ phiếu chưa niêm yết | - | 18.304.000.000 | - | 18.304.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | - | 9.145.578.081 | - | 9.145.578.081 |
| Các khoản phải thu | | | | |
| - Phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán | 12.184.500.000 | - | 12.184.500.000 | - |
| - Phải thu cổ tức | 200.000.000 | - | 200.000.000 | - |
| - Phải thu lãi trái phiếu và tiền gửi | 2.284.935.889 | 1.175.547.124 | 2.284.935.889 | 1.175.547.124 |
| Tiền và tương đương tiền | 23.192.655.099 | 15.377.588.183 | 23.192.655.099 | 15.377.588.183 |
| Tổng cộng | 246.319.847.774 | 196.038.586.388 | 246.319.847.774 | 196.038.586.388 |
| Nợ tài chính phải trả | | | | |
| Phải trả hoạt động đầu tư chứng khoán | 4.035.500.000 | 7.608.600.000 | 4.035.500.000 | 7.608.600.000 |
| Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát | 3.451.307.691 | 11.700.055 | 3.451.307.691 | 11.700.055 |
| Phải trả khác | 67.158.016 | 68.788.026 | 67.158.016 | 68.788.026 |
| Tổng cộng | 7.553.965.707 | 7.689.088.081 | 7.553.965.707 | 7.689.088.081 |

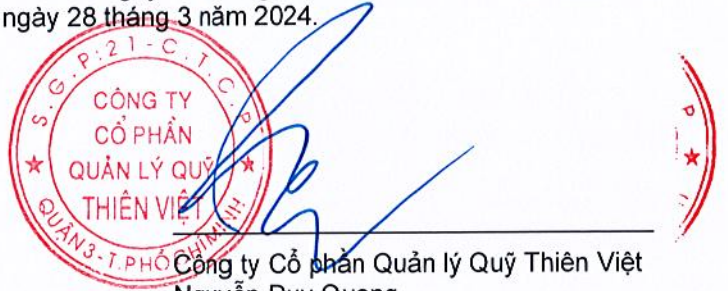
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

10 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

11 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 28 tháng 3 năm 2024.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

